UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH
VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 88 /KH-BCĐ

KHẨN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2015

KẾ HOẠCH
Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2015

Thực hiện Quyết định số 2000/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2015; Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2015, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, ưu tiên tập trung các mặt hàng thực phẩm phục vụ Tết Trung thu.

- Thông qua hoạt động thanh tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm. Ngăn chặn, phòng ngừa việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, hàng nhái, thực phẩm kém chất lượng, quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, sử dụng nguyên liệu thực phẩm không an toàn.

- Kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

2. Yêu cầu:

- Tuân thủ đúng quy định của Luật thanh tra, Luật an toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn;

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng liên quan, tránh sự chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP;

- Thanh tra, kiểm tra toàn diện các cơ sở sản xuất, kinh doanh mặt hàng phục vụ Tết Trung thu, bao gói chứa đựng thực phẩm và đồ chơi trẻ em trên toàn tỉnh;

- Xử lý nghiêm các cơ sở có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về ATTP.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA:

1. Đối tượng, phân cấp thanh tra, kiểm tra:

- Đối tượng thanh tra, kiểm tra chủ yếu là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, tập trung ưu tiên vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như bánh, mứt, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt, sản phẩm từ thịt, trứng, sản phẩm từ trứng, bao gói chứa đựng thực phẩm, đồ chơi trẻ em.

- Phân cấp:

+ Đoàn cấp tỉnh: Tập trung thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh với quy mô lớn, các cơ sở nhập khẩu thực phẩm, các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại.

+ Đoàn cấp huyện, xã: Kiểm tra những cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra:

2.1. Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: tập trung xem xét:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP;

- Giấy xác nhận công bố phù hợp với quy định;

- Giấy chứng nhận sức khỏe/sổ khám sức khỏe định kỳ của chủ cơ sở và nhân viên tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;

- Giấy xác nhận kiến thức ATTP của chủ cơ sở và nhân viên tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm;

- Chứng minh nguồn nước sạch trong sản xuất;

- Kết quả kiểm nghiệm định kỳ sản phẩm;

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm hàng hóa, nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;

- Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký nội dung quảng cáo sản phẩm (nếu có);

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: Yêu cầu đối với cơ sở; Trang thiết bị, dụng cụ; Thực hành của người trực tiếp sản xuất thực phẩm; Bảo quản, vận chuyển thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Ghi nhãn hàng hóa;

- Lấy mẫu kiểm nghiệm về chất lượng ATTP (khi có dấu hiệu nghi ngờ);

- Các quy định khác có liên quan đến an toàn thực phẩm.

2.2. Đối với cơ sở kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm: tập trung xem xét:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (đối với cơ sở có địa điểm cố định);

- Giấy chứng nhận sức khỏe/sổ khám sức khỏe định kỳ của chủ cơ sở và nhân viên tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;

- Giấy xác nhận kiến thức ATTP của chủ cơ sở và nhân viên tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm;

- Hồ sơ nguồn gốc sản phẩm thực phẩm, bao gói chứa đựng thực phẩm;

- Điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tại cơ sở, gồm: Điều kiện cơ sở; điều kiện trang thiết bị, dụng cụ; điều kiện về con người; điều kiện bảo quản thực phẩm;

- Nhãn sản phẩm hàng hoá;

- Các quy định khác của pháp luật;

- Lấy mẫu kiểm nghiệm (khi có dấu hiệu nghi ngờ).

*** Đối với cơ sở kinh doanh đồ chơi trẻ em:**

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ;

- Giấy chứng nhận hợp quy (bản phô-tô);

- Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (bản phô-tô);

- Tem CR (dấu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia);

- Lấy mẫu kiểm nghiệm (khi có dấu hiệu nghi ngờ).

III. PHƯƠNG PHÁP THANH TRA, KIỂM TRA:

Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP các cấp lập kế hoạch và tiến hành thanh tra, kiểm tra trên địa bàn quản lý.

Việc thanh tra, kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra các đoàn thanh tra, kiểm tra tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật, đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM:

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các Đoàn phải kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm theo quy định. Trường hợp cần thiết, các đoàn của cấp trên chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cho cấp dưới (Quản lý thị trường, Phòng Y tế,…) nơi cơ sở hoạt động để xử lý và theo dõi việc khắc phục sai phạm.

- Các đoàn thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định, tuyệt đối không để thực phẩm, đồ chơi trẻ em không bảo đảm an toàn, không rõ nguồn gốc, không có nhãn hoặc có nhãn sai quy định hoặc chưa công bố hợp quy/phù hợp quy định, các tài liệu, ấn phẩm quảng cáo sai được phát hiện tiếp tục lưu thông trên thị trường, các cơ sở thực phẩm vi phạm tiếp tục hoạt động khi chưa có biện pháp khắc phục có hiệu quả.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

1. Tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra:

*** Đoàn thanh tra, kiểm tra tỉnh:** Theo Quyết định số 2000/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

+ Địa bàn: 07 huyện/thành phố (riêng huyện Côn Đảo tự tổ chức triển khai thực hiện).

+ Phương tiện: Xe Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

*** BCĐLNVSATTP huyện, thành phố:**

Ban hành quyết định kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành, và chỉ đạo UBND xã/phường/thị trấn thực hiện.

*** UBND xã, phường, thị trấn:**

Ban hành quyết định kiểm tra và xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành.

2. Thời gian thực hiện:

Tiến hành thanh tra, kiểm tra từ ngày 05 tháng 9 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2015.

3. Công tác báo cáo:

Tổng hợp báo cáo nhanh trước ngày 24/9/2015 và báo cáo kết quả đợt thanh tra, kiểm tra trước ngày 05/10/2015 về Chi cục ATVSTP (đồng thời gửi qua Email: ccatvstpbrvt@gmail.com) để tổng hợp và báo cáo về Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm Tỉnh và Trung ương *(theo mẫu báo cáo đính kèm).*

4. Phương tiện, kinh phí thực hiện:

- Phương tiện phục vụ cho các Đoàn thanh tra, kiểm tra trong khi làm nhiệm vụ do các đơn vị chủ trì bố trí, Trưởng đoàn chịu trách nhiệm điều động.

- Kinh phí được sử dụng từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia VSATTP năm 2015.

Trên đây là Kế hoạch thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2015 của BCĐLNVSATTP Tỉnh. Đề nghị các Sở, Ngành, BCĐLNVSATTP huyện/thành phố căn cứ tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- BCĐLNTUVSATTP (báo cáo);
- Cục ATTP- BYT (//);
- CT.UBND tỉnh (//);
- Đ/c Lê Thanh Dũng, Trưởng BCĐ LN VSATTP tỉnh (//);
- Sở Y tế (thực hiện);
- Sở Công thương (//);
- Sở NN & PTNT (//);
- Các thành viên BCĐLNVSATTP tỉnh, Tổ công tác (//);
- BCĐLNVSATTP huyện, thành phố (//);
- Đăng website Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTra.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Trương Văn Kính

MẪU 2

BÁO CÁO
Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp Tết Trung thu năm 2015 do địa phương thực hiện

I. Công tác chỉ đạo:

(nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm *(không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành T.Ư thực hiện và báo cáo):*

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra:

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1. Số đoàn thanh tra, kiểm tra cấp tỉnh:

1.2. Số đoàn thanh tra, kiểm tra cấp huyện:

1.3. Số đoàn kiểm tra cấp xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất				
2	Sơ chế, chế biến				
3	Kinh doanh				
	Tổng số (1+2+3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		

	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu huỷ sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo		
	Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
2	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong			

	sản xuất, chế biến thực phẩm			
3	Vi phạm quy định về sử dụng hóa chất trong sản xuất, chế biến thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng			
5	Vi phạm quy định về sử dụng vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
6	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khỏe trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về thực hành an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
9	Vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong vận chuyển thực phẩm,			

	phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thủy sản			
13	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống sử dụng làm thực phẩm			
14	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thực vật			
15	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến			
16	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình cửa hàng ăn uống, cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín			
17	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc loại hình chế biến suất ăn sẵn; căng tin kinh doanh ăn uống; bếp ăn tập thể; bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng ăn uống			
18	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thức ăn đường phố			
19	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ			
20	Vi phạm quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm			
21	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an			

	toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu			
22	Vi phạm quy định khác về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm			
23	Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm			
24	Vi phạm quy định về kiểm nghiệm thực phẩm			
25	Vi phạm quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm			
26	Vi phạm quy định về truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu

TT	**Loại xét nghiệm**	**Kết quả xét nghiệm mẫu**		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	**Số mẫu không đạt**	**Tỷ lệ % không đạt**
1. Xét nghiệm tại labo				
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
2	**XN nhanh**			
3	**Cộng**			

III. Nhận xét, đánh giá chung (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 - 4):

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)